





**Biểu 02/CH**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC  
CỦA HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>89.708,33</b>	<b>89.708,33</b>	<b>0,00</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>64.017,28</b>	<b>60.822,85</b>	<b>-3.194,43</b>	<b>95,01</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.895,33	5.044,94	149,61	97,03
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.397,60</i>	<i>1.430,97</i>	<i>33,37</i>	<i>97,67</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2.991,27	3.139,84	148,57	95,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4.408,76	4.037,42	-371,34	91,58
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	16.659,18	16.411,99	-247,19	98,52
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	7.496,04	7.497,72	1,68	100,02
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	27.356,15	24.516,36	-2.839,79	89,62
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>13.855,31</i>	<i>13.853,43</i>	<i>-1,88</i>	<i>99,99</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	128,97	134,12	5,15	103,99
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	81,59	40,47	-41,12	49,60
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.496,15</b>	<b>4.082,51</b>	<b>-413,64</b>	<b>90,80</b>
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	3,52	3,61	0,09	97,48
2.2	Đất an ninh	CAN	3,45	2,20	-1,25	63,86
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,14	2,25	0,11	95,28
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	17,50	10,31	-7,19	58,92
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	12,47	4,95	-7,52	39,68
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	44,50	31,43	-13,07	70,63
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.359,04	895,29	-463,75	65,88
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	767,65	535,55	-232,10	69,77
-	Đất thủy lợi	DTL	102,92	89,24	-13,68	86,71
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,10	5,58	0,48	91,46
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	3,26	3,75	0,49	86,85
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	47,17	47,98	0,81	98,30
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	8,26	2,71	-5,55	32,83
-	Đất công trình năng lượng	DNL	375,44	163,07	-212,37	43,43
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,62	0,38	-0,24	61,67
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,71	1,71	-2,00	46,12
-	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	43,14	43,45	0,31	99,28
-	Đất chợ	DCH	1,79	1,87	0,08	95,91
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,90	0,90	0,00	99,90
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,31	0,31	0,00	99,40
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	399,66	411,12	11,46	97,21
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	67,15	62,53	-4,62	93,13
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	20,53	21,10	0,57	97,29
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,14	2,20	0,06	97,50
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	653,66	723,90	70,24	90,30
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.909,08	1.910,31	1,23	99,94
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,10	0,10	0,00	99,67
<b>3</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>21.194,90</b>	<b>24.802,97</b>	<b>3.608,07</b>	<b>85,45</b>

Ghi chú:

- Cột (5)\*: Chỉ tiêu sử dụng đất được duyệt là chỉ tiêu các loại đất theo Luật đất đai 2013 vì vậy đánh giá kết quả thực hiện dựa trên cơ sở diện tích hiện trạng năm 2024 xác định từ thống kê đất đai năm 2023 và kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024 theo chỉ tiêu các loại đất của Luật đất đai 2013.

- Cột (7)\* là tỷ lệ kết quả thực hiện chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước:

+ Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất có xu hướng giảm trong năm kế hoạch  $cột (7) = (4)/(5) * 100$ ;

+ Đối với các chỉ tiêu sử dụng đất có xu hướng tăng trong năm kế hoạch  $cột (7) = (5)/(4) * 100$ .

**ĐÁNH GIÁ DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 CỦA HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Diện tích đã thu hồi đất/giao đất (ha)	Số thông báo/quyết định thu hồi; quyết định chuyển mục đích	Ghi chú KH2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
<b>I</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN XONG NĂM 2024</b>						
1	Trường Tiểu học Trung Đồng - Điểm trường trung tâm	0,50	Xã Trung Đồng	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	0,39	QĐ số 2364/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	Đã thực hiện xong
2	Thủy điện Hố Mít	5,34	Xã Hố Mít	Điều chỉnh quy mô, diện tích KH2023 theo Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 của UBND tỉnh và Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 25/9/2023; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thủy điện Hố Mít; số 34/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thủy điện Hố Mít; Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu (0,08 ha)	5,28	QĐ số 531 ngày 16/5/2022 (0,8 ha); QĐ số 882 ngày 19/6/2024 (4,48 ha)	Đã thực hiện xong
3	Thủy điện Nậm Bon 1	3,57	Xã Phúc Khoa	Điều chỉnh, bổ sung KH2022 theo Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 27/7/2022; Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023	4,50	QĐ 2321 ngày 25/12/2023	Đã thực hiện xong
4	Mỏ đá Phiêng phát	2,00	Xã Trung Đồng	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023	1,53	QĐ số 1070 ngày 26/7/2024	Đã thực hiện xong
5	Thủy điện Nậm Be 2	8,00	Xã Phúc Khoa; TT Tân Uyên	Điều chỉnh KH2023 theo Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 28/2/2023 và Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 802/QĐ-BCT ngày 08/3/2021 của Bộ Công thương về phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Quyết định số 802/QĐ-BCT ngày 08/3/2021 của Bộ Công thương	8,01	QĐ số 1425 ngày 03/11/2022; số 1657 ngày 16/12/2022; số 135 ngày 07/2/2023; số 805 ngày 14/6/2023; số 1031 ngày 20/7/2023; số 2383 ngày 29/12/2023	Đã thực hiện xong
<b>II</b>	<b>CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG CHUYỂN TIẾP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025</b>						
1	Chỉnh trang đô thị gắn với sắp xếp dân cư tại tổ dân phố 26 (bản Nà Giàng cũ), thị trấn Tân Uyên	0,04	TT Tân Uyên	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh			Đã thi công xong; chưa có quyết định giao đất; Không chuyển tiếp KH2025
2	Đường giao thông vùng cây ăn quả xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên	4,80	Xã Nậm Sò	Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu			Đã thi công xong; không thu hồi dân hiến đất; Không chuyển tiếp KH2025
3	Đường giao thông vùng quê xã Nậm Sò,...., huyện Tân Uyên	10,89	Các xã: Nậm Cắn, Nậm Sò...	Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu			Đã thi công xong; không thu hồi dân hiến đất; Không chuyển tiếp KH2025
4	Đầu tư vùng được liệu quý - Hỗ trợ kinh phí cải tạo cơ sở hạ tầng tại xã Mường Khoa, Hố Mít	1,00	Xã Mường Khoa	Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu			Đã thi công xong; không thu hồi dân hiến đất; Không chuyển tiếp KH2025
5	Đấu giá, cho thuê đất công ích, đất 5% của xã, thị trấn	26,35	Các xã, thị trấn	Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh; Đăng ký để tổ chức đấu giá QSDĐ			Không chuyển tiếp KH2025
6	Đấu giá, cho thuê đất công ích, đất 5% của xã, thị trấn	7,57	Các xã, thị trấn	Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh; Đăng ký để tổ chức đấu giá QSDĐ			Không chuyển tiếp KH2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Diện tích đã thu hồi đất/giao đất (ha)	Số thông báo/quyết định thu hồi; quyết định chuyển mục đích	Ghi chú KH2025
7	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở tại nông thôn	3,14	Các xã	Bổ sung KH2023 theo Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh; Nhu cầu của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện			Đang thực hiện; KH2025 đăng ký mới các trường hợp CMD ngoài khu dân cư phù hợp với quy hoạch
8	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư sang đất ở tại đô thị	3,82	TT Tân Uyên	Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh; Nhu cầu của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện			Đang thực hiện; KH2025 đăng ký mới các trường hợp CMD ngoài khu dân cư phù hợp với quy hoạch
<b>III</b>	<b>CÔNG TRÌNH&lt; DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 ĐỂ TIẾP TỤC THỰC HIỆN</b>						
*	<b>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai</b>						
1	Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc vốn vay ADB và chính phủ Úc tài trợ	82,20	TT Tân Uyên, Thân Thuộc, Trung Đồng, Phúc Khoa, Pắc Ta	Quyết định số 2034/QĐ-BGTVT ngày 17/9/2018 phê duyệt dự án đầu tư	26,04	Từ số 2908 đến số 2911 ngày 30/12/2021; từ số 704 đến số 733 ngày 23/6/2022; từ số 1520 đến số 1550 ngày 15/9/2022; từ số 1941 đến số 1985 ngày 24/11/2022; số 2369 ngày 14/12/2022; từ số 2484 đến số 2547 ngày 23/12/2022; từ số 2730 đến số 2835 ngày 30/12/2022; từ số 489 đến số 503 ngày 12/5/2023; từ số 536 đến số 581 ngày 18/5/2023; từ số 699 đến số 723 ngày 25/5/2023; từ số 929 đến số 988 ngày 28/6/2023; từ số 1621 đến số 1647 ngày 07/8/2023; từ số 1940 đến số 1968 ngày 22/9/2023; đợt 14 từ số 2590 đến 2647 ngày 08/11/2023; đợt 15 từ số 2842 đến 2886 ngày 27/11/2023; đợt 16 từ số 3560 đến 3604 ngày 21/12/2023; đợt 17 từ số 4180 đến 4210 ngày 29/12/2023; đợt 16 từ số 4255 đến 4294 ngày 29/12/2023; đợt 19 từ 4636 đến 4682 ngày 29/12/2023; đợt 20 từ số 1973 đến 2053 ngày 01/10/2024; số 2130, 2130 ngày 17/10/2024; đợt 22 (hỏi lại chưa có số)	Đang thực hiện (đã thu hồi được 1 phần; đang thi công); Chuyển tiếp KH2025
2	Nâng cấp đường tỉnh 133 đoạn Km0-Km21, huyện Tân Uyên	73,54	Các xã, thị trấn	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023; Văn bản số 552/BQLDA-KT ngày 07/9/2023 của Ban QLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Lai Châu về việc đăng ký nhu cầu; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 23/3/2021	14,60	Thông báo số 978 ngày 28/4/2023	Đang thực hiện (đã thu hồi được 1 phần); Chuyển tiếp KH2025
3	Đường tránh thị trấn Tân Uyên	16,06	Trung Đồng, thị trấn Tân Uyên	Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 10/8/2022 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến trong giai đoạn 2021-2025; Văn bản số 2768/UBND-TH v/v giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước dự kiến khởi công mới năm 2023			Chưa thực hiện (điều chỉnh giảm diện tích; ranh giới dự án); Chuyển tiếp KH2025
4	Đường trục vùng chè Nậm Phát - Nà Can	1,86	Xã Phúc Khoa	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh (0,3 ha); Quyết định số 2379/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2023 Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
5	Đường Nà Còi - Hô Cha (Dự án phát triển nông thôn tích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	42,50	Xã Mường Khoa	Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 2379/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2023 Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Diện tích đã thu hồi đất/giao đất (ha)	Số thông báo/quyết định thu hồi; quyết định chuyển mục đích	Ghi chú KH2025
6	Đường trục vùng chè Phúc Khoa - Mường Khoa (Dự án phát triển nông thôn tích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	51,57	Xã Mường Khoa	Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 2379/QĐ-UBND tỉnh ngày 29/12/2023 Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
7	Khắc phục khẩn cấp chống xói lở bờ suối Hua chằng thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	4,06	Xã Thân Thuộc, TT Tân Uyên	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	4,06	Từ số 2835 đến số 2866 ngày 30/12/2021	Đang thực hiện (Đã thi công và quyết toán xong; đã có quyết định thu hồi đất; đang thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
8	Kè chống sạt lở bờ suối Nậm Cườm	6,56	Xã Thân Thuộc, TT Tân Uyên	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	6,56	Từ số 2271 đến số 2311 ngày 28/12/2021	Đang thực hiện (Đã thi công xong; đã có quyết định thu hồi đất; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
*	<b>Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà không thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai</b>						
9	Sắp xếp dân cư bản Hua Ngò, xã Nậm Sò	1,60	Xã Nậm Sò	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 về thu hồi đất	1,31	QĐ số 1876 ngày 07/12/2020	Đang thực hiện (Đã thi công mặt bằng xong; đã có quyết định thu hồi đất); Chuyển tiếp KH2025
10	Trụ sở tiếp công dân huyện Tân Uyên	0,28	TT Tân Uyên	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HDND tỉnh: 0,19 ha; Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh: 0,07 ha; Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 Về việc thu hồi đất	0,28	QĐ số 1673 ngày 23/11/2020	Đang thực hiện (Đã GPMB xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
11	Trụ sở làm việc Công an xã Pắc Ta	0,20	Xã Pắc Ta	Văn bản số 4486/CAT-PH10 ngày 14/9/2021 của Công an tỉnh Lai Châu	0,10	QĐ số 1749 ngày 15/8/2023	Đang thực hiện (đã có quyết định thu hồi đất; đã thi công xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
12	Trụ sở làm việc Công an xã Phúc Khoa	0,26	Xã Phúc Khoa	Thông báo số 6405/TB-H01-P4 ngày 05/9/2023 của Cục kế hoạch và tài chính về Chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước bổ sung năm 2023			Đang thực hiện (đã có thông báo chủ trương thực hiện; chưa có thông báo thu hồi đất); Chuyển tiếp KH2025
13	Trụ sở làm việc Công an xã Hồ Mít	0,12	Xã Hồ Mít	Thông báo số 5723/TB-H01-P3 ngày 11/8/2023 của Cục kế hoạch và tài chính về Chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước bổ sung năm 2022			Đang thực hiện (đã thi công xong, chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
14	Trụ sở làm việc Công an xã Trung Đòng	0,10	Xã Trung Đòng	Thông báo số 6405/TB-H01-P4 ngày 05/9/2023 của Cục kế hoạch và tài chính về Chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước bổ sung năm 2022			Đang thực hiện (đã thi công xong, chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
15	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Khoa	0,26	Xã Mường Khoa	Thông báo số 6405/TB-H01-P4 ngày 05/9/2023 của Cục kế hoạch và tài chính về Chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước bổ sung năm 2022			Đang thực hiện (đang xây dựng, chưa thực hiện thủ tục về đất đai); Chuyển tiếp KH2025
16	Trụ sở làm việc Công an xã Thân Thuộc	0,19	Xã Thân Thuộc	Thông báo số 6405/TB-H01-P4 ngày 05/9/2023 của Cục kế hoạch và tài chính về Chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước bổ sung năm 2022			Đang thực hiện (đã thi công xong, chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
17	Trụ sở làm việc Công an xã Tà Mít	0,13	Xã Tà Mít	Quyết định số 4863/QĐ-BCA-H01 ngày 04/7/2024 của Cục kế hoạch và Tài chính, Bộ Công an			Đang thực hiện (đang xây dựng, chưa thực hiện thủ tục về đất đai); Chuyển tiếp KH2025
18	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Cắn	0,14	Xã Nậm Cắn	Quyết định số 4863/QĐ-BCA-H01 ngày 04/7/2024 của Cục kế hoạch và Tài chính, Bộ Công an			Đang thực hiện (đã thi công xong, chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Diện tích đã thu hồi đất/giao đất (ha)	Số thông báo/quyết định thu hồi; quyết định chuyển mục đích	Ghi chú KH2025
19	Trạm y tế xã Tà Mít	0,50	Xã Tà Mít	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND về thu hồi đất	0,45	QĐ số 1605 ngày 13/10/2020	Đang thực hiện (đã thu hồi đất và thi công xong; chưa có quyết định giao đất); Chuyển tiếp KH2025
20	Trạm y tế xã Nậm Cắn	0,26	Xã Nậm Cắn	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 1602/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 thu hồi đất	0,26	QĐ số 1602 ngày 13/10/2020	Đang thực hiện (đã thu hồi đất và thi công xong; chưa có quyết định giao đất); Chuyển tiếp KH2025
21	Trường Mầm non xã Thân Thuộc - Điểm trường trung tâm	0,04	Xã Thân Thuộc	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh			Đang thực hiện (đang đo đạc; chưa có thông báo thu hồi); Chuyển tiếp KH2025
22	Trường mầm non xã Phúc Khoa	0,10	Xã Phúc Khoa	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 20/5/2023 của HĐND tỉnh			Đang thực hiện (đang thực hiện GPMB; đã có thông báo thu hồi; đang thi công); Chuyển tiếp KH2025
23	Sân vận động huyện Tân Uyên	6,30	TT Tân Uyên	Nghị quyết 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh; Quyết định số 2093/QĐ-UBND ngày 30/12/2019, số 705/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 và số 1785/QĐ-UBND ngày 12/11/2020 của UBND huyện về thu hồi đất	5,86	QĐ số 2093 ngày 30/12/2019, số 705 ngày 27/7/2020 và số 1785 ngày 12/11/2020	Đang thực hiện (Đã thi công xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
24	Sân vận động xã Nậm Sỏ	2,80	Xã Nậm Sỏ	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
25	Sân vận động xã Phúc Khoa	0,87	Xã Phúc Khoa	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh.	0,83	Thông báo số 1031/TB-UBND ngày 20/5/2024	Đang thực hiện (Đang thi công; đang kiểm điểm; đã có thông báo thu hồi); Chuyển tiếp KH2025
26	Nâng cấp đường QL32 - Bản Mường - Nậm Cung - Hua So	15,80	TT Tân Uyên, xã Thân Thuộc, xã Mường Khoa	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	1,16	Thông báo số 3122 ngày 16/12/2022	Đang thực hiện (đã có quyết định thu hồi; đã chi trả tiền bồi thường và đã thi công xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
27	Đường bờ kè Tô dân phố 26 đi Tô dân phố 7 thị trấn Tân Uyên	1,00	TT Tân Uyên	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	0,88	Thông báo số 2017 ngày 26/8/2022; QĐ thu hồi 4552 đến ngày 29/12/2023	Đang thực hiện (đã có quyết định thu hồi; đã thi công xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
28	Thu hồi đất, bồi thường GPMB xây dựng bến xe khách huyện Tân Uyên	2,10	Xã Thân Thuộc	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh	2,10	Các QĐ từ số 1938 đến số 1943 ngày 18/12/2020; từ số 2373 đến số 2395 ngày 31/12/2020	Đang thực hiện (Đã thu hồi đất 1 phần và đang thi công; chưa có quyết định giao đất); Chuyển tiếp KH2024
29	Cầu Suối Linh: Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	0,98	xã Hố Mít, xã Pác Ta	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	0,23	Thông báo số 2306 ngày 30/9/2022; QĐ thu hồi từ 2833 đến 2836 ngày 27/11/2023	Đang thực hiện (đã có quyết định thu hồi; đã thi công xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
30	Xây dựng đường liên bản xã Hố Mít, huyện Tân Uyên	1,84	xã Hố Mít	Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Điều chỉnh, bổ sung KH2022 theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 07/4/2022; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	1,82	QĐ thu hồi từ số 785 đến 808 ngày 29/6/2022	Đang thực hiện (đã có quyết định thu hồi; đã thi công xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
31	Cầu Nậm Be, xã Phúc Khoa	1,40	Xã Phúc Khoa, Mường Khoa	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	0,88	QĐ thu hồi Từ số 1731 đến 1739 ngày 15/8/2023	Đang thực hiện (đã có quyết định thu hồi đất 0,88 ha, phần còn lại không thu hồi; đã thi công xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Diện tích đã thu hồi đất/giao đất (ha)	Số thông báo/quyết định thu hồi; quyết định chuyển mục đích	Ghi chú KH2025
32	Cầu Phiêng Hào thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	0,77	xã Mường Khoa	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	0,54	Từ số 2938 đến số 1943 ngày 31/12/2021	Đang thực hiện (đã có quyết định thu hồi; đã thi công xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
33	Đường trung tâm xã Hồ Mít - Suối Linh A - Bán Lâu - Bán Thảo A - Thảo B - Bán K2, huyện Tân Uyên	4,76	Xã Hồ Mít, Pắc Ta	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	4,84	Dân hiến đất	Đang thực hiện (đã thu hồi được 1 phần); Chuyển tiếp KH2025
34	Cấp nước sinh hoạt cụm xã Pắc Ta, Hồ Mít	0,26	Xã Hồ Mít	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh			Đang thực hiện (đang đo đạc, tiến hành kiểm đếm; chưa có thông báo thu hồi); Chuyển tiếp KH2025
35	Cấp NSH cụm bản xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	0,53	Xã Trung Đồng	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh; Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh Lai Châu	0,53	Số 1612 và 1613 ngày 02/8/2023	Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
36	Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn xã Nậm Cắn	0,50	Xã Nậm Cắn	Nghị quyết 17/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh	0,28	Từ số 2431 đến số 2433 ngày 31/12/2020	Đang thực hiện (Đã thu hồi đất và thi công xong; chưa có quyết định giao đất); Chuyển tiếp KH2025
37	Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn xã Phúc Khoa	0,50	Xã Phúc Khoa	Nghị quyết 17/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh	0,42	Từ số 2447 đến số 2453 ngày 31/12/2020	Đang thực hiện (Đã thu hồi đất và thi công xong; chưa có quyết định giao đất); Chuyển tiếp KH2025
38	Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn xã Nậm Sỏ	0,50	Xã Nậm Sỏ	Nghị quyết 17/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh	0,50	Từ số 2418 đến số 2423 ngày 31/12/2020	Đang thực hiện (Đã thu hồi đất và thi công xong; chưa có quyết định giao đất); Chuyển tiếp KH2025
39	Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn xã Pắc Ta	0,50	Xã Pắc Ta	Nghị quyết 17/NQ-HĐND tỉnh ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh	0,42	QĐ số 415 ngày 14/4/2021	Đang thực hiện (Đã thu hồi đất và thi công xong; chưa có quyết định giao đất); Chuyển tiếp KH2025
40	Đường dây 220kV Phong Thổ - Tân Uyên	7,83	TT Tân Uyên; Các xã: Phúc Khoa, Thân Thuộc, Trung Đồng, Hồ Mít, Pắc Ta	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
41	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên năm 2022	0,91	TT Tân Uyên, các xã: Pắc Ta, Nậm Sỏ, Nậm Cắn, Hồ Mít, Thân Thuộc, Mường Khoa, Trung Đồng, Phúc Khoa	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh			Đang thực hiện (đã kê khai, kiểm đếm xong; chưa có thông báo thu hồi); Chuyển tiếp KH2025
42	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: CQT Thân Thuộc 1, Thân Thuộc 4, UB Thân Thuộc, Thanh Sơn, Pắc Lý, Pắc Ta, Mường Khoa, Mường Khoa 6, CQT Mường Khoa, huyện Tân Uyên	0,05	TT Tân Uyên, Trung Đồng, Pắc Ta, Mường Khoa, Phúc Khoa	Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh	0,05	QĐ số 546 ngày 20/5/2022	Đang thực hiện (đã thu hồi xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
43	Đường dây 35kV mạch vòng Mường Khoa huyện Tân Uyên - Nậm Pha huyện Tam Đường năm 2022	0,16	Xã Mường Khoa	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	0,03	Thông báo số 1487 ngày 21/6/2023; QĐ thu hồi ngày 29/12/2023	Đang thực hiện (đã thu hồi 1 phần; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
44	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho TBA Mường Khoa 2 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Đội 6, CQT Tầng Đán, Thân Thuộc 3, TTHC2, Đội 3, Đội 5, CQT Đội 3, Hua Chăng, Tà Mít, huyện Tân Uyên năm 2019	0,40	TT Tân Uyên, Mường Khoa, Thân Thuộc, Tà Mít	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	0,04	Thông báo số 44 ngày 30/8/2019; QĐ thu hồi 4472 ngày 29/12/2023	Đang thực hiện (đã thu hồi 1 phần; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025



STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Diện tích đã thu hồi đất/giao đất (ha)	Số thông báo/quyết định thu hồi; quyết định chuyển mục đích	Ghi chú KH2025
45	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Pắc Lý, CQT Thành Thuộc 1, Thanh Sơn, Bàn Cà, Mường Khoa 5 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Hua Ngò, TĐC Nà Cốc, TĐC Hồ Be, huyện Tân Uyên năm 2019	0,42	TT Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Khoa, Nậm Sò	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	0,80	QĐ số 4351/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	Đang thực hiện (đã thu hồi được 1 phần); Chuyển tiếp KH2025
46	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 01-02 Tân Uyên - Hua Sò lộ 372E29.2)	0,01	TT Tân Uyên	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	0,01	QĐ số 1061 ngày 16/8/2021	Đang thực hiện (đã GPMB xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
47	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên và huyện Than Uyên năm 2021	0,91	TT Tân Uyên, Mường Khoa, Pắc Ta, Trung Đồng, Nậm Sò, Phúc Khoa	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	0,09	Thông báo số 667 ngày 04/4/2022; QĐ thu hồi 4354 ngày 29/12/2023	Đang thực hiện (đã GPMB xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
48	Nhà trực vận hành điện lực cụm xã Mường Khoa	0,16	Xã Mường Khoa	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh			Đang thực hiện (Đã thi công xong; chưa thực hiện thủ tục về đất đai); Chuyển tiếp KH2025
49	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Mường Khoa 4, Nà Sáng, Tát Xóm 2, T1 thị trấn, Mường Khoa 7, Pắc Ta, Bản Bút, Phiêng Phát và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện của các TBA: Hồ Be, Hồ Phường, Nà Cốc, Đội 24, Hồ Bon, TT hành chính 2, Khu Cơ quan, Trường cấp 3, huyện Tân Uyên năm 2020	0,97	TT Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Khoa, Trung Đồng, Nậm Cắn, Phúc Khoa	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh	0,85	QĐ số 4633/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	Đang thực hiện (Đã có thông báo thu hồi đất); Chuyển tiếp KH2025
50	Đường dây 110 kV Phong Thổ - Than Uyên mạch 2 và đấu nối sau TBA220 kV Than Uyên - Đoạn đi qua địa phận huyện Tân Uyên	1,95	TT Tân Uyên, Phúc Khoa, Trung Đồng, Pắc Ta	Nghị quyết 18/NQ-HĐND tỉnh ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh	1,95	QĐ số 1830 ngày 26/11/2020	Đang thực hiện (đã GPMB xong; chưa thực hiện thủ tục giao đất); Chuyển tiếp KH2025
51	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên năm 2023	0,17	TT Tân Uyên, xã Trung Đồng	Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; Nghị quyết số 352/NQ-HĐTV ngày 30/9/2022 của HĐTV Tổng công ty điện lực Miền Bắc về việc Thông qua chủ trương danh mục kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2023 cho 24 công ty điện lực tỉnh phần lưới điện trung hạ thế			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp
52	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp khu vực Thành phố Lai Châu và các huyện Tân Uyên, Tam Đường, Sin Hồ, tỉnh Lai Châu theo phương pháp đa chia – đa nối	0,20	Xã Nậm Sò	Văn bản số 1998/PCLC-BQLDA ngày 31/7/2023 của Công ty điện lực Lai Châu về đăng ký nhu cầu; Quyết định số 771/QĐ-EVNNPC ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD bổ sung năm 2023 cho Công ty Điện lực Lai Châu; NQ số 37/NQ-HĐND ngày 11/9/2023			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
53	Đường dây 110kV đấu nối nhà máy và TBA thủy điện Hua Chăng 2 vào lưới điện Quốc gia	0,29	TT Tân Uyên	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
54	Thủy điện Phiêng Lú	110,50	Xã Nậm Cắn; Xã Mường Khoa; Thành Thuộc	Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	64,83	QĐ số 731 ngày 17/6/2020; QĐ số 1732 ngày 30/12/2022;	Đã thực hiện được 1 phần; Chuyển tiếp KH2024
55	Thủy điện Hua Be	7,81	Xã Phúc Khoa, TT Tân Uyên	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh	5,43	QĐ số 91 ngày 26/01/2022 (1,79 ha DNL); QĐ 2388 ngày 29/12/2023 (3,98 ha DNL)	Đã thực hiện được 1 phần; Chuyển tiếp KH2024
56	Tuyến đường dây 35kV đấu nối nhà máy thủy điện Hồ Mít vào TBA 110kV thủy điện Nậm Mít Luông	0,47	Các xã: Hồ Mít, Pắc Ta	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thủy điện Hồ Mít; số 34/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án thủy điện Hồ Mít			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
57	Thủy điện Nậm Mít Luông	26,16	Xã Pắc Ta	Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022	21,40	QĐ số 1161 ngày 06/9/2021 (1,28 ha); QĐ số 2328 ngày 25/12/2023 (19,02 ha); QĐ số 601 ngày 23/4/2024 (1,10 ha)	Đã thực hiện được 1 phần; Chuyển tiếp KH2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Diện tích đã thu hồi đất/giao đất (ha)	Số thông báo/quyết định thu hồi; quyết định chuyển mục đích	Ghi chú KH2025
58	Thủy điện Phiêng Khon	44,19	Xã Mường Khoa	Nghị quyết 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
59	Thủy điện Suối Lình (hạng mục: xây dựng ngăn lộ 35kV tại TBA 110kV Than Uyên E29.2; đường dây 35kV từ TBA 110kV Than Uyên đến thủy điện Suối Lình)	0,10	Xã Hố Mít, xã Pắc Ta	Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
60	Thủy điện Nà An	39,83	Các xã: Phúc Khoa, Mường Khoa	Quyết định số 2468/QĐ-BCT ngày 21/9/2020 của Bộ Công thương về phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh Lai Châu (4,93 ha)	20,71	QĐ số 1969 ngày 25/10/2023; QĐ số 2199 ngày 08/12/2023	Đã thực hiện được 1 phần; Chuyển tiếp KH2025
61	Thủy điện Mít Luông	14,44	Các xã: Pắc Ta; Hố Mít	Quyết định số 2468/QĐ-BCT ngày 21/9/2020 của Bộ Công thương về phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Công văn số 3723/UBND-KTN ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về khảo sát, lập bổ sung quy hoạch thủy điện Mít Luông trên địa bàn xã Pắc Ta và xã Hố Mít, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu; Công văn số 277/UBND-KTN ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh Lai Châu về việc bổ sung quy hoạch dự án thủy điện Mít Luông tại xã Hố Mít và xã Pắc Ta huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
62	Thủy điện Hua Chăng 2	4,14	Thị trấn Tân Uyên	Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án thủy điện Hua Chăng 2; số 1274/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án thủy điện Hua Chăng 2	4,09	QĐ số 55 ngày 20/01/2020	Đã thực hiện được 1 phần; Chuyển tiếp KH2025
63	Thủy điện Mường Mít	6,20	Xã Pắc Ta	Quyết định số 1018/QĐ-BCT ngày 29/3/2021 của Bộ Công thương về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch các dự án thủy điện Đông Pao và Mường Mít trên địa bàn tỉnh Lai Châu; cập nhật KH2023 theo Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh			Đã thực hiện được 1 phần; Chuyển tiếp KH2025
64	Thủy điện Nậm Khăn	38,27	Các xã Tà Mít, Nậm Sò, Nậm Cắn, Mường Khoa, Thân Thuộc, Trung Đồng, thị trấn Tân Uyên	Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Uyên			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
65	Thủy điện Nậm Bon	4,92	Xã Phúc Khoa	Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2005-2010	8,53	QĐ số 994 ngày 22/8/2019 và số 1485 ngày 22/9/2023	Đã thực hiện được 1 phần; Chuyển tiếp KH2025
66	Thủy điện Nậm Be	6,10	Thị trấn Tân Uyên, xã Phúc Khoa	Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 19/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh Lai Châu			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
67	Dự án Chăn nuôi lợn nái sinh sản siêu nạc chất lượng cao kết hợp trồng rừng. Hạng mục: Đường dây 35kV và trạm biến áp	0,15	Xã Pắc Ta	Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Uyên			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
68	Xây dựng trụ sở bưu điện huyện Tân Uyên	0,24	TT Tân Uyên	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 09/12/2022			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
*	<b>Các dự án đầu tư và trường hợp cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai;</b>						

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Diện tích đã thu hồi đất/giao đất (ha)	Số thông báo/quyết định thu hồi; quyết định chuyển mục đích	Ghi chú KH2025
69	Trồng và phát triển cây chè trên địa bàn huyện Tân Uyên	106,70	Xã Nậm Sô	Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Uyên; Kế hoạch số 50/KH-HU ngày 26/7/2021 của Huyện ủy Tân Uyên			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
70	Trồng và phát triển chuối xã Nậm Sô	45,00	Nậm Sô	Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện Tân Uyên; Kế hoạch phát triển cây ăn quả của Phòng nông nghiệp huyện			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
71	Trồng và phát triển rừng phòng hộ huyện	107,25	Xã Tà Mít	Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2465/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện về giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023.			Chưa thực hiện; hủy bỏ 1 phần diện tích; Chuyển tiếp KH2025 107,25 ha (giảm từ 322,97 ha)
72	Dự án đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp và dược liệu tại huyện Tân Uyên	778,90	Xã Nậm Cắn, xã Tà Mít	Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh; Văn bản số 2628/UBND -TH ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu			Đã thực hiện 1 phần; Chuyển tiếp KH2025
73	Phát triển cây lâm nghiệp, trồng và chế biến chè hữu cơ tại xã Nậm Sô, huyện Tân Uyên (trong đó: đất trồng cây lâu năm 314,76 ha; rừng sản xuất 835,96 ha)	1.150,72	Xã Nậm Sô	Công văn số 2002/UBND-TH ngày 14/7/2021 của UBND tỉnh chấp thuận nghiên cứu khảo sát, đề xuất phương án đầu tư dự án phát triển nông, lâm nghiệp công nghệ cao tại Lai Châu.			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
74	Trồng và phát triển rừng sản xuất (cây gỗ lớn, giổi, quế) huyện Tân Uyên	466,94	Xã Nậm Cắn, xã Nậm Sô, xã Tà Mít, xã Pắc Ta, xã Thân Thuộc	Nghị quyết số 112/HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện Tân Uyên; Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh Lai Châu			Chưa thực hiện; hủy bỏ 1 phần diện tích; Chuyển tiếp KH2025 466,94 ha (giảm từ 2.267 ha)
75	Dự án chăn nuôi 7.500 lợn nái sinh sản siêu nạc chất lượng cao kết hợp trồng rừng (Trong đó: đất nông nghiệp khác: 13,88 ha; đất rừng sản xuất 7,23 ha)	21,11	Xã Pắc Ta	Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Uyên			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
76	Dự án chăn nuôi 96.000 lợn thịt siêu nạc chất lượng cao kết hợp trồng rừng (Trong đó: đất nông nghiệp khác: 27,81 ha; đất rừng sản xuất 21,95 ha)	49,76	Xã Pắc Ta	Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Uyên			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
77	Đất đấu giá QSDĐ tại thị trấn Tân Uyên (Trụ sở công an thị trấn Tân Uyên, đường nội thị trấn Tân Uyên (đoạn tiếp giáp nhà ông Trương Văn Trung đến Trường mầm non tư thục), đường nội thị trấn Tân Uyên (đối diện trường Tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên và hồ khu 17 thị trấn Tân Uyên), đất trong khu vực sản vận động huyện - Đất không phải bồi thường, đền bù)	2,00	TT Tân Uyên	Thông báo số 476/TB-HU ngày 21/4/2017 của Thường trực huyện ủy huyện Tân Uyên; Quyết định 1575/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Lai Châu; đất không phải bồi thường GPMB		QĐ 1744/QĐ-UBND ngày 26/11/2021; QĐ 1875/QĐ-UBND ngày 02/11/2022; QĐ 2077/QĐ-UBND ngày 30/11/2022; QĐ 669/QĐ-UBND ngày 19/5/2023; QĐ số 3702 ngày 25/12/2023 (thêm 750,8m2)	Đã thực hiện được 1 phần (năm 2024 thực hiện thêm được 0,08 ha); Chuyển tiếp KH2024
78	Đấu giá QSDĐ tại TDP 26 thị trấn Tân Uyên (Bản Nà Giàng cũ) (đất đã thu hồi thực hiện trung tâm hành chính huyện)	1,28	TT Tân Uyên	Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Tân Uyên; đất đã thu hồi GPMB sạch			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
79	Đấu giá QSDĐ đất ở đô thị tại Chợ trung tâm thị trấn Tân Uyên, Nhà văn hóa khu 15 (cũ), thị trấn Tân Uyên	0,08	TT Tân Uyên	Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Uyên		QĐ số 1875 ngày 02/11/2022 (0,01 ha); QĐ số 859 ngày 28/6/2023 (0,01 ha)	Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
80	Hợp tác xã Mường Khoa	0,30	Xã Mường Khoa	Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Uyên; Đăng ký để thực hiện thủ tục giao đất			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
81	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích thương mại dịch vụ	0,05	Xã Nậm Sô	Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 24/6/2024 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tân Uyên; Đăng ký để tổ chức đấu giá QSDĐ, đất không phải bồi thường GPMB			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Căn cứ pháp lý	Diện tích đã thu hồi đất/giao đất (ha)	Số thông báo/quyết định thu hồi; quyết định chuyển mục đích	Ghi chú KH2025
82	Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong quá trình sản xuất, chế biến chè xanh sao lãn chất lượng cao tại xã Mường Khoa	2,17	Xã Mường Khoa	Nghi quyết số 57/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 (0,85 ha)			Đang thực hiện (đang làm thủ tục xin thuê đất); Chuyển tiếp KH2025
83	Trồng và chế biến cây quế tại huyện Tân Uyên	5,03	Xã Nậm Sỏ	Công văn số 4828/UBND-TH ngày 27/12/2022 của UBND tỉnh về phối hợp giải quyết đề xuất của Hợp tác xã Nông nghiệp hữu cơ Suối Voi.			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
84	Bãi tập kết khai thác cát, sỏi làm VLXD thông thường tại khu vực lòng hồ thủy điện Bản Chát và thủy điện Huội Quảng thuộc các xã: Mường Mít, Mường Kim, Khoen On, huyện Than Uyên và xã Nậm Cắn, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	0,09	Xã Nậm Cắn	Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1691/QĐ -UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
85	Khai thác đá granit làm vật liệu xây dựng thông thường và đá quazit đi kèm tại xã Nậm Cắn	5,63	Xã Nậm Cắn	Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.	1,94	QĐ số 1180 ngày 27/9/2019	Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
86	Khai thác khoáng sản mỏ vật liệu san lấp Bó Lun, xã Pắc Ta	1,95	Xã Pắc Ta	Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 26/4/2023 của UBND tỉnh về công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ vật liệu san lấp Bó Lun, xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên.			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025
87	Cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Nậm Mu, bản Phiêng Cùm	13,91	Xã Mường Khoa	Giấy phép khai thác khoáng sản số 415/GP-UBND ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh Lai Châu; Công văn số 01/CV-CT ngày 15/9/2023 của Công ty TNHH tư vấn và xây dựng Bảo Sơn			Chưa thực hiện; Chuyển tiếp KH2025



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Thị trấn Tân Uyên	Xã Hố Mít	Xã Mường Khoa	Xã Nậm Cắn	Xã Nậm Sỏ	Xã Pắc Ta	Xã Phúc Khoa	Xã Tà Mít	Xã Thân Thuộc	Xã Trung Đồng
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	247,34	7,56		16,24	11,64	0,41	11,01	0,97	0,14	9,62	11,45
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	188,39	1,19		0,16		0,24	0,10		0,14		7,78
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	16,73	6,37		2,17	5,12	0,17	1,59	0,97			0,82
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	42,22			13,92	6,52		9,32			9,62	2,85
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	2.124,62	264,28	40,80	222,56	153,58	80,52	146,04	81,65	65,03	65,17	98,27
-	Đất công trình giao thông	DGT	1.298,44	189,62	27,93	115,99	75,24	74,50	88,91	38,03	34,95	49,54	69,99
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	62,63	22,91	2,93	5,88	0,08	4,70	20,19	7,78	0,61	0,82	7,76
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	39,98	4,55	0,36	1,21	0,13	0,06	0,95	0,88		0,14	2,90
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	10,62	5,20	3,39							2,03	
-	Đất có di tích lịch sử-văn hoá, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,90										0,90
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	2,00				0,50	0,50	0,50	0,50			
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	426,86	39,84	6,11	99,48	77,61	0,74	35,29	34,23	29,47	12,63	5,30
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,83	0,45	0,08		0,02	0,02	0,02	0,01		0,02	0,22
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,79	1,40					0,18	0,21			
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	280,56	0,31									11,21
2.9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hoá táng; đất cơ sở lưu trữ cho cốt	NTD	44,28	6,00	0,15	4,71	3,99	1,15	5,32	3,94	2,65	9,38	6,03
2.10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	2.571,47	87,73	90,96	95,37	613,28	158,41	65,08	77,92	1.311,65	39,09	40,13
2.10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	1.909,08	8,25			572,81	16,37			1.311,65		
2.10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	670,54	79,48	90,96	95,37	40,47	142,04	65,08	77,92		39,09	40,13
2.11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>22.785,15</b>	<b>834,50</b>	<b>1.487,88</b>	<b>2.168,46</b>	<b>3.785,42</b>	<b>5.702,02</b>	<b>3.426,90</b>	<b>319,66</b>	<b>4.330,47</b>	<b>584,58</b>	<b>347,58</b>
3.1	Đất do nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	244,79	0,59							244,20		
3.2	Đất băng chưa sử dụng	BCS	726,87	358,07	18,88	104,90	24,94	21,25	117,20	73,62		17,37	47,99
3.3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	21.708,58	475,84	1.364,09	2.063,56	3.760,48	5.680,77	3.309,70	246,04	4.086,27	567,21	299,59
3.4	Núi đá không có rừng cây	NCS	21.708,58	475,84	1.364,09	2.063,56	3.760,48	5.680,77	3.309,70	246,04	4.086,27	567,21	299,59



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Tổng diện tích									
				Thị trấn Tân Uyên	Xã Hố Mít	Xã Mường Khoa	Xã Nậm Cắn	Xã Nậm Sô	Xã Pác Ta	Xã Phúc Khoa	Xã Tà Mít	Xã Thân Thuộc	Xã Trung Đồng
4.2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,44	0,44									
4.3	Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	DSN/CSK											
4.4	Chuyển đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CCO/CSK											
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	CSO/TMD											

Ghi chú:

NKR là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp;

NPC là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác chuyển sang đất chăn nuôi tập trung;

PNO là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 118 Luật Đất đai;

PNC là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất phi nông nghiệp được quy định tại Điều 119, Điều 120 Luật Đất đai;

PKO là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở;

CCO là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh;

CSO là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ





**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 CỦA HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU**

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)
<b>A</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC XÁC ĐỊNH TRONG NĂM KẾ HOẠCH TRƯỚC ĐƯỢC TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 7 ĐIỀU 76 CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI</b>							
<b>I</b>	<b>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai</b>							
<b>*</b>	<b>Đất giao thông</b>							
1	Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc vốn vay ADB và chính phủ Úc tài trợ	82,20	82,20		82,20	LUK (1,8 ha); LUC (3,6 ha); NHK (4,2 ha); BHK (8,2 ha); CLN (4,2 ha); NTS (0,8 ha); RSX (10,5 ha); RPH (0,5 ha); NTD (0,19 ha); ONT (0,5 ha); ODT (0,2 ha); TMD (0,23 ha); DCH (0,08 ha); DGD (0,8 ha); DVH (0,07 ha); DGT (35,9 ha); SKX (0,01 ha); SKC (0,06 ha); DTS (0,06 ha); DTL (0,7 ha); DNL (0,09 ha); SON (0,42 ha); TSC (0,12 ha); CQP (0,09 ha); CAN (0,01 ha); DCS (6,37 ha); BCS (2,5 ha)	TT Tân Uyên, Thân Thuộc, Trung Đồng, Phúc Khoa, Pắc Ta	Công trình dạng tuyến
2	Nâng cấp đường tỉnh 133 đoạn Km0-Km21, huyện Tân Uyên	73,54	73,54		73,54	LUC (2,7 ha); LUK (0,8 ha); HNK (28,30 ha); CLN (5,60 ha); NTS (0,79 ha); RSX (7,91 ha); DGT (14,83 ha); DTL (1,64 ha); SON (2,09 ha); NTD (0,04 ha); TSC (0,06 ha); DYT (0,3 ha); DGD (0,12 ha); ONT (0,51 ha); SKC (0,08 ha); MNC (1,23 ha); TMD (0,03 ha); CSD (6,36 ha); SON (0,15 ha)	Các xã, thị trấn	Công trình dạng tuyến
3	Đường tránh thị trấn Tân Uyên	43,38	16,06		16,06	LUC (0,62 ha); LUK (3,85 ha); HNK (3,41 ha); CLN (6,2 ha); DCS (0,34 ha); DTL (0,1 ha); DVH (0,06 ha); NTD (0,04 ha); ODT (0,26 ha); SON (0,2 ha); NTS (0,47 ha); ONT (0,06 ha); DGT (0,45 ha)	Trung Đồng, thị trấn Tân Uyên	Công trình dạng tuyến
4	Đường trục vùng chè Nậm Phát - Nà Can	1,86	1,86		1,86	HNK (0,2 ha); LUK (0,3 ha); CLN (0,6 ha); ONT (0,08 ha); DGT (0,6 ha); SON (0,01 ha); CSD (0,07 ha)	Xã Phúc Khoa	Bản Hồ Bon
5	Đường Nà Còi - Hồ Cha (Dự án phát triển nông thôn tích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	42,50	42,50		42,50	LUK (0,80 ha); LUC (0,05 ha); CLN (1,68 ha); NTS (0,07 ha); ONT (0,4 ha); HNK (15,50 ha); CSD (9,8 ha); DGT (14,0 ha); SON (0,2 ha)	Xã Mường Khoa	Công trình dạng tuyến
6	Đường trục vùng chè Phúc Khoa - Mường Khoa (Dự án phát triển nông thôn tích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay Nhật Bản)	51,57	51,57		51,57	LUC (1,60 ha); CLN (4,0 ha); NTS (0,1 ha); ONT (0,6 ha); HNK (18,4 ha); CSD (9,37 ha); SON (0,5 ha); DGT (17,0 ha)	Xã Mường Khoa	Công trình dạng tuyến
<b>*</b>	<b>Đất công trình phòng, chống thiên tai</b>							
7	Khắc phục khẩn cấp chống xói lở bờ suối Hua chãng thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	6,00	4,06		4,06	LUC (0,86 ha); LUK (0,52 ha); HNK (0,38 ha); CLN (0,5 ha); DTL (0,82 ha); SON (0,57 ha); CSD (0,41 ha)	Xã Thân Thuộc, TT Tân Uyên	Các tờ 163, 156, 157, 143,...

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
8	Kè chống sạt lở bờ suối Nậm Cườm	11,80	6,56		6,56	LUC (0,13 ha); LUK (0,17 ha); HNK (1,58 ha); CLN (0,01 ha); NTS (0,08 ha); DTL (0,01 ha); SON (4,33 ha); CSD (0,25 ha)	Xã Thân Thuộc, TT Tân Uyên	Công trình dạng tuyến
II	<b>Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà không thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai</b>							
*	<b>Đất ở tại nông thôn</b>							
9	Sắp xếp dân cư bản Hua Ngò, xã Nậm Sò	1,60	1,60		1,60	NTS (0,03 ha); NHK (0,06 ha); RSX (0,63 ha); DTL (0,01 ha); DGT (0,58 ha)	Xã Nậm Sò	Bản Hua Ngò
*	<b>Đất xây dựng trụ sở cơ quan</b>							
10	Trụ sở tiếp công dân huyện Tân Uyên	0,28	0,28		0,28	CLN	TT Tân Uyên	Thửa 1, 2,... tờ 182; Thửa 48,... tờ 180; Thửa 1,... tờ 181
*	<b>Đất an ninh</b>							
11	Trụ sở làm việc Công an xã Pắc Ta	0,20	0,20		0,20	TSC (0,08 ha); CLN (0,07 ha); HNK (0,03 ha); RSX (0,02 ha)	Xã Pắc Ta	Bản Pắc Ta
12	Trụ sở làm việc Công an xã Phúc Khoa	0,26	0,26		0,26	CLN (0,22 ha); ONT (0,04 ha)	Xã Phúc Khoa	Bản Phúc Khoa
13	Trụ sở làm việc Công an xã Hồ Mít	0,20	0,12		0,12	TSC	Xã Hồ Mít	Bản Trung Tâm
14	Trụ sở làm việc Công an xã Trung Đồng	0,10	0,10		0,10	TSC	Xã Trung Đồng	Bản Bút Dưới
15	Trụ sở làm việc Công an xã Mường Khoa	0,26	0,26		0,26	HNK (0,2562 ha); SON (0,0023 ha)	Xã Mường Khoa	Bản Mường Khoa
16	Trụ sở làm việc Công an xã Thân Thuộc	0,19	0,19		0,19	TSC	Xã Thân Thuộc	Bản Tạng Đán
17	Trụ sở làm việc Công an xã Tà Mít	0,13	0,13		0,13	HNK (0,05 ha); DVH (0,08 ha)	Xã Tà Mít	Bản Ít Chom Dưới
18	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Cắn	0,14	0,14		0,14	LUC	Xã Nậm Cắn	Bản Phiêng Lúc
*	<b>Đất xây dựng cơ sở y tế</b>							
19	Trạm y tế xã Tà Mít	0,50	0,50		0,50	LUK (0,15 ha); NHK (0,3 ha)	Xã Tà Mít	Thửa 25, 27, 31,... tờ 12
20	Trạm y tế xã Nậm Cắn	0,26	0,26		0,26	LUC (0,12 ha); DTL(0,01 ha); BCS (0,13 ha)	Xã Nậm Cắn	Thửa 77, 78 tờ 13
*	<b>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</b>							
21	Trường Mầm non xã Thân Thuộc - Điểm trường trung tâm	0,25	0,04		0,04	CLN (0,03 ha); HNK (0,01 ha)	Xã Thân Thuộc	Bản Chom Chăng
22	Trường mầm non xã Phúc Khoa	0,86	0,10		0,10	CLN	Xã Phúc Khoa	Bản Ngọc Lại, xã Phúc Khoa
*	<b>Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao</b>							
23	Sân vận động huyện Tân Uyên	6,30	6,30		6,30	LUC (0,05 ha); HNK (0,47 ha); CLN (0,42 ha); NTS (1,38 ha); ODT (0,11 ha); DYT (0,1 ha); DTT (0,14 ha); DGT (0,1 ha); DTL (0,16 ha); BCS (3,37 ha)	TT Tân Uyên	Thửa 54, 41, 167,... tờ 139
24	Sân vận động xã Nậm Sò	2,80	2,80		2,80	LUC (0,36 ha); LUK (0,15 ha); HNK (1,6 ha); SON (0,32 ha); ONT (0,06 ha); CSD (0,31 ha)	Xã Nậm Sò	Bản Nà Ngò
25	Sân vận động xã Phúc Khoa	0,87	0,87		0,87	LUC (0,11 ha); HNK (0,21 ha); CLN (0,13 ha); NTS (0,01 ha); DGT (0,01 ha); SON (0,01 ha); DTL (0,004 ha); DVH (0,37 ha); CSD (0,016 ha)	Xã Phúc Khoa	Bản Ngọc Lại, xã Phúc Khoa

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
*	<b>Đất công trình giao thông</b>							
26	Nâng cấp đường QL32 - Bản Mường - Nậm Cung - Hua So	15,90	15,80		15,80	LUC (1,5 ha); LUK (2,4 ha); HNK (2,7 ha); CLN (0,24 ha); RSX (0,2 ha); NTS (0,6 ha); ONT (0,8 ha); ODT (0,2 ha); TSC (0,1 ha); DYT (0,15 ha); DGD (0,15 ha); SKC (0,4 ha); DGT (5,19 ha); DTL (0,23 ha); SON (0,6 ha); CSD (0,34 ha)	TT Tân Uyên, xã Thân Thuộc, xã Mường Khoa	Công trình dạng tuyến
27	Đường bờ kè Tổ dân phố 26 đi Tổ dân phố 7 thị trấn Tân Uyên	1,00	1,00		1,00	LUC (0,13 ha); LUK (0,10 ha); BHK (0,12 ha); CLN (0,04 ha); ODT (0,01 ha); DGT (0,53 ha); SON (0,06 ha); BCS (0,01 ha)	TT Tân Uyên	Công trình dạng tuyến
28	Thu hồi đất, bồi thường GPMB xây dựng bến xe khách huyện Tân Uyên	2,10	2,10		2,10	LUC (1,15 ha); CLN (0,92 ha); ONT (0,06 ha); CSD (0,01 ha)	Xã Thân Thuộc	Bản Nà Báo
29	Cầu Suối Lính: Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	0,98	0,98		0,98	BHK (0,03 ha); NTS (0,005 ha); DGT (0,04 ha); DTL (0,005 ha); SON (0,09 ha); BCS (0,06 ha)	xã Hố Mít, xã Pắc Ta	Công trình dạng tuyến
30	Xây dựng đường liên bản xã Hố Mít, huyện Tân Uyên	1,84	1,84		1,84	LUK (0,3 ha); HNK (1,0 ha); NTS (0,004 ha); ONT (0,001 ha); SON (0,03 ha); DCS (0,08 ha); DGT (0,42 ha)	xã Hố Mít	Công trình dạng tuyến
31	Cầu Nậm Be, xã Phúc Khoa	1,40	1,40		1,40	LUC (0,10 ha); BHK (0,001 ha); CLN (0,15 ha); SON (0,60 ha); DTL (0,001 ha); DGT (0,03 ha)	Xã Phúc Khoa, Mường Khoa	Bản Ngọc Lại, xã Phúc Khoa
32	Cầu Phiêng Hào thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	0,77	0,77		0,77	BHK (0,03 ha); CLN (0,29ha); SON (0,18 ha); DGT (0,04 ha); DTL (0,002 ha)	xã Mường Khoa	Thửa 109, 119,... tờ 16; thửa 209, 219,... tờ 17
33	Đường trung tâm xã Hố Mít - Suối Lính A - Bản Lầu - Bản Thảo A - Thảo B - Bản K2, huyện Tân Uyên	4,76	4,76		4,76	ONT (0,88 ha); DGT (2,90 ha); SON (0,05 ha); CLN (0,15 ha); RSX (0,10 ha); HNK (0,10 ha); LUC (0,23 ha); LUK (0,03 ha); TSC (0,06 ha); DVH (0,04 ha); NTS (0,05 ha); CSD (0,17 ha)	Xã Hố Mít, Pắc Ta	Công trình dạng tuyến
*	<b>Đất công trình cấp nước, thoát nước</b>							
34	Cấp nước sinh hoạt cụm xã Pắc Ta, Hố Mít	0,26	0,26		0,26	RPH	Xã Hố Mít	Bản Suối Lính
35	Cấp NSH cụm bản xã Trung Đồng, huyện Tân Uyên	0,53	0,53		0,53	LUK (0,48 ha); HNK (0,05 ha)	Xã Trung Đồng	Bản Hua Cườm 1
*	<b>Đất công trình xử lý chất thải</b>							
36	Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn xã Nậm Cắn	0,50	0,50		0,50	NHK (0,03 ha); SON (0,03 ha); CLN (0,17 ha); DCS (0,07 ha)	Xã Nậm Cắn	Bản Phiêng Bay
37	Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn xã Phúc Khoa	0,50	0,50		0,50	CLN (0,09 ha); LUC (0,33 ha); DTL (0,008 ha); DCS (0,003 ha)	Xã Phúc Khoa	Bản Nậm Bon
38	Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn xã Nậm Sò	0,50	0,50		0,50	LUK (0,37 ha); NHK (0,13 ha)	Xã Nậm Sò	Bản Nậm Sò
39	Xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn xã Pắc Ta	0,50	0,50		0,50	CSD (0,42 ha); HNK (0,08 ha)	Xã Pắc Ta	Bản Pắc Ta
*	<b>Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng</b>							
40	Đường dây 220kV Phong Thổ - Than Uyên	10,67	7,83		7,83	LUK (1,35 ha); RSX (1,66 ha); HNK (3,42 ha); CLN (1,10 ha); DCS (0,30 ha)	TT Tân Uyên; Các xã: Phúc Khoa, Thân Thuộc, Trung Đồng, Hố Mít, Pắc Ta	Công trình dạng tuyến

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
41	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên năm 2022	0,91	0,91		0,91	LUC (0,07 ha); LUK (0,14 ha); HNK (0,28 ha); CLN (0,14 ha); ONT (0,07 ha); ODT (0,01 ha); DGT (0,06 ha)	TT Tân Uyên, các xã: Pắc Ta, Nậm Sò, Nậm Cắn, Hồ Mít, Thân Thuộc, Mường Khoa, Trung Đồng, Phúc Khoa	Công trình dạng tuyến
42	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: CQT Thân Thuộc 1, Thân Thuộc 4, UB Thân Thuộc, Thanh Sơn, Pắc Lý, Pắc Ta, Mường Khoa, Mường Khoa 6, CQT Mường Khoa, huyện Tân Uyên	0,29	0,05		0,05	LUC (0,01 ha); LUK (0,002 ha); BHK (0,02 ha); CLN (0,002 ha); NHK (0,0004 ha); DVH (0,0002 ha); DYT (0,004 ha); DCS (0,01 ha)	TT Tân Uyên, Trung Đồng, Pắc Ta, Mường Khoa, Phúc Khoa	Công trình dạng tuyến
43	Đường dây 35kV mạch vòng Mường Khoa huyện Tân Uyên - Nậm Pha huyện Tam Đường năm 2022	0,16	0,16		0,16	LUC (0,01 ha); NHK (0,02 ha); DCS (0,13 ha)	Xã Mường Khoa	Công trình dạng tuyến
44	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho TBA Mường Khoa 2 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Đội 6, CQT Tăng Đán, Thân Thuộc 3, TTHC2, Đội 3, Đội 5, CQT Đội 3, Hua Chăng, Tà Mít, huyện Tân Uyên năm 2019	0,40	0,40		0,40	LUC (0,006 ha); LUK (0,004 ha); BHK (0,02 ha); CLN (0,002 ha); NHK (0,001 ha); DCS (0,006 ha); NTS (0,01 ha)	TT Tân Uyên, Mường Khoa, Thân Thuộc, Tà Mít	Công trình dạng tuyến
45	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Pắc Lý, CQT Thân Thuộc 1, Thanh Sơn, Bản Cỏ, Mường Khoa 5 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Hua Ngò, TĐC Nà Cốc, TĐC Hồ Be, huyện Tân Uyên năm 2019	0,42	0,42		0,42	LUC (0,04 ha); LUK (0,06 ha); HNK (0,16 ha); CLN (0,08 ha); ONT (0,06 ha); ODT (0,02 ha)	TT Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Khoa, Nậm Sò	Công trình dạng tuyến
46	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 01-02 Tân Uyên - Hua Sò lộ 372E29.2)	0,06	0,01		0,01	CLN	TT Tân Uyên	Công trình dạng tuyến
47	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao chất lượng điện áp cuối nguồn và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên và huyện Than Uyên năm 2021	0,91	0,91		0,91	LUC (0,02 ha); LUK (0,01 ha); BHK (0,03 ha); NHK (0,02 ha); CLN (0,01 ha); DVH (0,0002 ha); BCS (0,004 ha)	TT Tân Uyên, Mường Khoa, Pắc Ta, Trung Đồng, Nậm Sò, Phúc Khoa	Công trình dạng tuyến
48	Nhà trực vận hành điện lực cụm xã Mường Khoa	0,16	0,16		0,16	TSC (0,04 ha); DVH (0,04 ha); HNK (0,04 ha); BCS (0,04 ha)	Xã Mường Khoa	Thửa 200 tờ 17
49	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Mường Khoa 4, Nà Sắng, Tát Xôm 2, T1 thị trấn, Mường Khoa 7, Pắc Ta, Bản Bút, Phiêng Phát và cải tạo, mở rộng phạm vi cấp điện của các TBA: Hồ Be, Hồ Phường, Nà Cốc, Đội 24, Hồ Bon, TT hành chính 2, Khu Cơ quan, Trường cấp 3, huyện Tân Uyên năm 2020	0,97	0,97		0,97	LUC (0,12 ha); LUK (0,20 ha); HNK (0,47 ha); CLN (0,18 ha)	TT Tân Uyên, Pắc Ta, Mường Khoa, Trung Đồng, Nậm Cắn, Phúc Khoa	Công trình dạng tuyến
50	Đường dây 110 kV Phong Thổ - Than Uyên mạch 2 và đầu nối sau TBA220 kV Than Uyên - Đoạn đi qua địa phận huyện Tân Uyên	2,29	1,95		1,95	LUC (0,43 ha); LUK (0,39 ha); NHK (0,1 ha); CLN (0,4 ha); RSX (0,6 ha); DGT (0,004 ha); DTL (0,005 ha); BCS (0,02 ha)	TT Tân Uyên, Phúc Khoa, Trung Đồng, Pắc Ta	Công trình dạng tuyến
51	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên năm 2023	0,17	0,17		0,17	LUC (0,01 ha); LUK (0,02 ha); HNK (0,06 ha); CLN (0,05 ha); ONT (0,01 ha); ODT (0,01 ha); DGT (0,01 ha)	TT Tân Uyên, xã Trung Đồng	Công trình dạng tuyến
52	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện của lưới điện trung áp khu vực Thành phố Lai Châu và các huyện Tân Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu theo phương pháp đa chia – đa nối	0,20	0,20		0,20	LUA (0,1 ha); RSX (0,01 ha); khác (0,09 ha)	Xã Nậm Sò	Bản Hua Sò

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
53	Đường dây 110kV đấu nối nhà máy và TBA thủy điện Hua Chăng 2 vào lưới điện Quốc gia	0,29	0,29		0,29	CLN (0,01 ha); LUC (0,19 ha); CSD (0,01 ha)	TT Tân Uyên	Công trình dạng tuyến
54	Thủy điện Phiêng Lú	110,50	110,50	64,83	45,67	LUC (8,97 ha); CLN (2,34 ha); NKH+NKH (4,57 +7,91 ha); RSX (3,47 ha); NTS (0,51 ha); ONT (1,25 ha); SON (1,68 ha); DCS (14,97 ha)	Xã Nậm Cắn; Xã Mường Khoa; Thân Thuộc	Tờ 33, 34, 38
55	Thủy điện Hua Be	7,81	7,81	5,43	2,38	LUK 0,13 ha; SON 1,10 ha; CLN 0,07 ha; HNK 0,10 ha; RSX 0,44 ha; RPH 0,15 ha; DCS 0,39 ha.	Xã Phúc Khoa, TT Tân Uyên	Bản Hồ Be, thị trấn Tân Uyên
56	Tuyến đường dây 35kV đấu nối nhà máy thủy điện Hố Mít vào TBA 110kV thủy điện Nậm Mít Luông	0,48	0,47		0,47	CLN (0,05 ha); LUC (0,12 ha); LUK (0,05 ha); HNK (0,02 ha); RSX (0,03 ha); DGT (0,02 ha); CSD (0,05 ha); khác (0,13 ha)	Các xã: Hố Mít, Pắc Ta	Công trình dạng tuyến
57	Thủy điện Nậm Mít Luông	26,16	26,16	21,40	4,76	HNK (0,92 ha); CLN (0,2 ha); LUC (1,55 ha); SON (0,36 ha); CSD (1,73 ha)	Xã Pắc Ta	Bản Pắc Ta
58	Thủy điện Phiêng Khon	44,19	44,19		44,19	LUK (8,15 ha); LUC (13,403 ha); RSX (0,34 ha); CLN (4,73 ha); NHK (4,452 ha); ONT (0,003 ha); ONT+CLN (0,11 ha); NTS (0,12 ha); BCS (1,64 ha); DCS (0,442 ha); DGT (0,73 ha); DTL (1,48 ha); SON (8,59 ha)	Xã Mường Khoa	Tờ 16, 17, 23, 24, 25, 29
59	Thủy điện Suối Lĩnh (hạng mục: xây dựng ngăn lộ 35kV tại TBA 110kV Than Uyên E29.2; đường dây 35kV từ TBA 110kV Than Uyên đến thủy điện Suối Lĩnh)	0,10	0,10		0,10	CLN (0,018 ha); DCS (0,008 ha); LUC (0,009 ha); LUK (0,008 ha); HNK (0,005 ha); RPH (0,027 ha); RSX (0,02 ha); ONT (0,005 ha)	Xã Hố Mít, xã Pắc Ta	Bản Trung Tâm, Bản Tân Bắc, Bản Pắc Ta
60	Thủy điện Nà An	39,83	39,83	20,71	19,12	LUK (1,34 ha); LUC (3,76 ha); RSX (3,87 ha); CLN (1,04 ha); HNK (7,975 ha); BCS (3,4 ha); DCS (0,29 ha); SON (18,08 ha)a	Các xã: Phúc Khoa, Mường Khoa	Bản Nà An
61	Thủy điện Mít Luông	14,44	14,44		14,44	LUC (0,2 ha); LUK (4,4 ha); NHK (0,51 ha); CLN (0,47 ha); RSX (0,31 ha); ONT (0,32 ha); DTL (0,07 ha); SON (1,76 ha); BCS (0,30 ha); DCS (6,1 ha)	Các xã: Pắc Ta; Hố Mít	Bản Tân Bắc, Bản Pắc Ta, bản Trung Tâm
62	Thủy điện Hua Chăng 2	4,36	4,14	4,09	0,05	DCS	Thị trấn Tân Uyên	Bản Hòa Hợp
63	Thủy điện Mường Mít	6,20	6,20	4,67	1,53	LUC (0,03 ha); SON (0,63 ha); CSD (0,87 ha)	Xã Pắc Ta	Bản Pắc Ta
64	Thủy điện Nậm Khăn	38,27	38,27		38,27	HNK (0,26 ha); LUC (0,07 ha); LUK (0,72 ha); ONT (0,02 ha); CLN (0,45 ha); RSX (9,22 ha); SON (8,92 ha); CSD (18,62 ha)	Các xã Tà Mít, Nậm Sò, Nậm Cắn, Mường Khoa, Thân Thuộc, Trung Đồng, thị trấn Tân Uyên	Bản Nậm Khăn
65	Thủy điện Nậm Bon	4,92	4,92	4,80	0,12	HNK (0,05 ha); RSX (0,03 ha); CSD (0,04 ha)	Xã Phúc Khoa	Bản Nậm Bon
66	Thủy điện Nậm Be	6,10	6,10	4,62	1,48	LUK (0,01 ha); CLN (0,16 ha); RSX (0,89 ha); DGT (0,07 ha); DCS (0,26 ha)	Thị trấn Tân Uyên, xã Phúc Khoa	Các thửa 5,6,9,... tờ 47, các thửa 7,17,19, tờ 46,....
67	Dự án Chăn nuôi lợn nái sinh sản siêu nạc chất lượng cao kết hợp trồng rừng. Hạng mục: Đường dây 35kV và trạm biến áp	0,15	0,15		0,15	HNK (0,03 ha); CLN (0,04 ha); RSX (0,02 ha); CNT (0,01 ha); ONT (0,02 ha); DGT (0,03 ha); DVH (0,003 ha); khác (0,01 ha)	Xã Pắc Ta	Bản Nà Sắng
*	<b>Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin</b>							
68	Xây dựng trụ sở bưu điện huyện Tân Uyên	0,24	0,24		0,24	CLN	TT Tân Uyên	Thửa 32,... tờ 50

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
III	Các dự án đầu tư và trường hợp cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai;							
*	<b>Đất trồng cây lâu năm</b>							
69	Trồng và phát triển cây chè trên địa bàn huyện Tân Uyên	242,51	106,70		106,70	DCS	Xã Nậm Sò	Bản Hua Ít, bản Hua Sò
70	Trồng và phát triển chuỗi xã Nậm Sò	155,67	45,00		45,00	DCS	Nậm Sò	Bản Hua Ít, bản Hua Sò
*	<b>Đất rừng phòng hộ</b>							
71	Trồng và phát triển rừng phòng hộ huyện	322,97	107,25		107,25	DCS (79,35 ha); LUK (19,20 ha); HNK (8,7 ha)	Xã Tà Mít	Bản Phiêng Lú, bản Phiêng Bay
*	<b>Đất rừng sản xuất</b>							
72	Dự án đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp và dược liệu tại huyện Tân Uyên	778,90	778,90	771,40	7,50	DCS	Xã Nậm Cắn, xã Tà Mít	Bản Nà Phát, Bản Tà Mít
73	Phát triển cây lâm nghiệp, trồng và chế biến chè hữu cơ tại xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên (trong đó: đất trồng cây lâu năm 314,76 ha; rừng sản xuất 835,96 ha)	1.150,72	1.150,72		1.150,72	HNK (7,47 ha); LUK (55,22 ha); RSX (1,34 ha); CLN (17,81 ha); DGT (0,21 ha); CSD (1.068,67 ha)	Xã Nậm Sò	Bản Ui Thái
74	Trồng và phát triển rừng sản xuất (cây gỗ lớn, giổi, quế) huyện Tân Uyên	2.267,00	466,94		466,94	DCS(399,74 ha); RSX (29,50 ha); CLN (9,70 ha); HNK (25,10 ha); LUK (2,90 ha)	Xã Nậm Cắn, xã Nậm Sò, xã Tà Mít, xã Pắc Ta, xã Thân Thuộc	Các xã
*	<b>Đất chăn nuôi tập trung</b>							
75	Dự án chăn nuôi 7.500 lợn nái sinh sản siêu nạc chất lượng cao kết hợp trồng rừng (Trong đó: đất nông nghiệp khác: 13,88 ha; đất rừng sản xuất 7,23 ha)	21,11	21,11		21,11	RSX (16,06 ha); DCS (5,05 ha)	Xã Pắc Ta	Bản Nà Sắng
76	Dự án chăn nuôi 96.000 lợn thịt siêu nạc chất lượng cao kết hợp trồng rừng (Trong đó: đất nông nghiệp khác: 27,81 ha; đất rừng sản xuất 21,95 ha)	49,76	49,76		49,76	RSX (16,5 ha); CLN (2,50 ha); DCS (30,76 ha)	Xã Pắc Ta	Bản Nà Sắng
*	<b>Đất ở tại đô thị</b>							
77	Đấu giá QSDĐ tại thị trấn Tân Uyên (Trụ sở công an thị trấn Tân Uyên, đường nội thị thị trấn Tân Uyên (đoạn tiếp giáp nhà ông Trương Văn Trung đến Trường mầm non tư thục), đường nội thị thị trấn Tân Uyên (đối diện trường Tiểu học số 1 thị trấn Tân Uyên và hồ khu 17 thị trấn Tân Uyên), đất trong khu vực sân vận động huyện - Đất không phải bồi thường, đền bù)	2,00	2,00	0,80	1,20	DYT (0,06 ha); DCS (0,90 ha); BCS (0,14 ha); DVH (0,10 ha)	TT Tân Uyên	TDP 26, TDP 17, TDP 15, TDP 21
78	Đấu giá QSDĐ tại TDP 26 thị trấn Tân Uyên (Bản Nà Giàng cũ) (đất đã thu hồi thực hiện trung tâm hành chính huyện)	1,28	1,28		1,28	BCS	TT Tân Uyên	Thửa 43, 94, 95,... tờ 207
79	Đấu giá QSDĐ đất ở đô thị tại Chợ trung tâm thị trấn Tân Uyên, Nhà văn hóa khu 15 (cũ), thị trấn Tân Uyên	0,08	0,08	0,02	0,06	DVH (0,06 ha); BCS (0,008 ha)	TT Tân Uyên	Thửa 33 tờ 198
*	<b>Đất thương mại, dịch vụ</b>							
80	Hợp tác xã Mường Khoa	0,30	0,30	0,30		TMD	Xã Mường Khoa	Bản Mường Khoa

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
81	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích thương mại dịch vụ	0,05	0,05		0,05	BCS	Xã Nậm Sò	Bản Nà Ngò
*	<b>Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp</b>							
82	Ứng dụng công nghệ tự động hóa trong quá trình sản xuất, chế biến chè xanh sao lán chất lượng cao tại xã Mường Khoa	2,17	2,17		2,17	LUK (0,85 ha); HNK (0,91 ha); CLN (0,18 ha); ONT (0,09 ha); DGT (0,02 ha); DTL (0,12 ha)	Xã Mường Khoa	Tờ 16, 23, 24
83	Trồng và chế biến cây quế tại huyện Tân Uyên	5,03	5,03		5,03	LUK (0,9 ha); RSX (2,7 ha); CSD (1,43 ha)	Xã Nậm Sò	Bản Nậm Sò
84	Bãi tập kết khai thác cát, sỏi làm VLXD thông thường tại khu vực lòng hồ thủy điện Bản Chát và thủy điện Huội Quảng thuộc các xã: Mường Mít, Mường Kim, Khoen On, huyện Than Uyên và xã Nậm Cắn, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	0,09	0,09		0,09	CLN	Xã Nậm Cắn	Bản Phiêng Áng
*	<b>Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản</b>							
85	Khai thác đá granit làm vật liệu xây dựng thông thường và đá quarzit đi kèm tại xã Nậm Cắn	5,63	5,63	1,94	3,69	RSX (3,47 ha); CSD (0,22 ha)	Xã Nậm Cắn	Bản Phiêng Áng
86	Khai thác khoáng sản mỏ vật liệu san lấp Bó Lun, xã Pắc Ta	1,95	1,95		1,95	RSX	Xã Pắc Ta	Bản Bó Lun
87	Cát làm vật liệu xây dựng thông thường tại sông Nậm Mu, bản Phiêng Cùm	13,91	13,91	8,56	5,35	DCS (0,3 ha); SON (5,05 ha)	Xã Mường Khoa	Bản Phiêng Tâm
<b>B</b>	<b>CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ MỚI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025</b>							
<b>I</b>	<b>Các công trình, dự án theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai</b>							
*	<b>Đất giao thông</b>							
1	Nâng cấp tuyến đường Nậm Sò - Ui Đạo - Ui Thái - Khau Hòm - Nà Ui xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên	14,36	14,26		14,26	LUC (0,1 ha); LUK (0,44 ha); BCS (0,01 ha); CLN (0,16 ha); DCS (12,55 ha); DTL (0,02 ha); DVH (0,01 ha); HNK (0,45 ha); NTS (0,02 ha); ONT (0,38 ha); RSX (0,01 ha); SON (0,11 ha)	Xã Nậm Sò	Công trình dạng tuyến
2	Nâng cấp đường tỉnh 133 đoạn Km0 Km21 huyện Tân Uyên (phần diện tích bổ sung do diện tích đất sạt lở)	3,43	3,43		3,43	LUC (0,01 ha); CLN (1,00 ha); HNK (1,12 ha); ONT (0,01 ha); DGT (0,01 ha); RSX (1,2 ha); DGD (0,01 ha); BCS (0,04 ha); DTL (0,01 ha); SON (0,01 ha)	Xã Nậm Cắn; xã Thân Thuộc	Công trình dạng tuyến
3	Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc, do ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ (phần diện tích bổ sung do diện tích đất sạt lở)	2,29	2,29		2,29	CLN (0,59 ha); LUC (0,08 ha); LUK (0,04 ha); NTS (0,01 ha); NHK (0,86 ha); ONT (0,02 ha); DGT (0,32 ha); RSX (0,26 ha); SKC (0,01 ha); BCS (0,04 ha); DTL (0,06 ha); SON (0,003 ha)	Các xã: Pắc Ta, Trung Đông, Thân Thuộc, Phúc Khoa, thị trấn Tân Uyên	Công trình dạng tuyến
<b>III</b>	<b>Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà không thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai</b>							
*	<b>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</b>							
4	Trường trung học cơ sở xã Nậm Cắn	0,26	0,26	0,19	0,26	HNK (0,20 ha); CLN (0,06 ha)	Xã Nậm Cắn	Các thửa 160.174,247,... tờ 82; ...



STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất		
5	Trường mầm non xã Nậm Sò - điểm trung tâm	0,04	0,04		0,04	CLN (0,01 ha); DCS (0,03 ha)	Xã Nậm Sò	Các thửa 4,101,... tờ 171; Các thửa 110,111,106,103,... tờ 157
*	<b>Đất công trình giao thông</b>							
6	Nâng cấp đường Hua Cản - Hua Tra Nội xã Nậm Cản huyện Tân Uyên	15,88	15,88		15,88	LUK (0,01 ha); LUC (0,02 ha); RSX (0,31 ha); HNK (0,10 ha); CLN (0,08 ha); DCS (0,01 ha); DGD (0,01 ha); NTS (0,01 ha); ONT (0,01 ha); RSX (0,31 ha); DGT (15,32 ha)	xã Nậm Cản	Công trình dạng tuyến
*	<b>Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng</b>							
7	Giảm bán kính cấp điện, giảm tổn thất điện năng và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA khu vực huyện Tân Uyên năm 2025	0,21	0,21		0,21	LUA (0,012ha); HNK (0,0436ha); ONT (0,0356ha); ODT (0,008ha); CLN (0,0216ha); BCS (0,0092ha); DCS (0,0028); DGT (0,0758ha); CSK (0,0004ha); DGD (0,0004ha); DTL (0,0012ha); DTT (0,0012ha); SON (0,0004ha)	Các xã: Trung Đồng, Thân Thuộc, Nậm Cản và thị trấn Tân Uyên	Công trình dạng tuyến
8	Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC khu vực huyện Than Uyên và Tân Uyên - Tỉnh Lai Châu	0,03	0,03		0,03	BCS (0,005ha); HNK (0,005ha); DGT (0,015ha); NTS (0,002ha)	Các xã: Pắc Ta, Thân Thuộc	Công trình dạng tuyến
9	Xây dựng đường dây 35kV khu vực xã Nậm Sò, cấp điện cho Bản Khâu Hóm, xã Nậm Sò, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	0,16	0,16		0,16	LUA (0,1 ha); RSX (0,06 ha)	Xã Nậm Sò	Công trình dạng tuyến
10	Đầu tư xây dựng và cải tạo đường dây 35kV trục chính lộ 372 E29.2 Tân Uyên - Tam Đường (địa phận huyện Tân Uyên)	0,24	0,24		0,24	LUA (0,04 ha); khác (0,2 ha)	Các xã: Trung Đồng; Pắc Ta; Phúc Khoa và thị trấn Tân Uyên	Công trình dạng tuyến
11	Cải tạo đường dây 110kV Lào Cai - Cốc San - Than Uyên	3,00	3,00		3,00	LUA (1,3 ha); khác (1,7 ha)	Các xã: Phúc Khoa, Pắc Ta, Trung Đồng và thị trấn Tân Uyên	Công trình dạng tuyến
<b>III</b>	<b>Các dự án đầu tư và trường hợp cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Đất đai, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai;</b>							
12	Chuyển mục đích của các hộ gia đình, cá nhân sang đất ở phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt	13,87	0,85		0,85	Thân Thuộc (0,01 ha: HNK); Pắc Ta (0,11 ha: LUC 0,07 ha; HNK 0,04 ha); Trung Đồng (0,06 ha: CLN 0,04 ha; HNK 0,02 ha); Nậm Sò (0,45 ha: LUC 0,12 ha; LUK 0,07 ha; HNK 0,26 ha); Phúc Khoa (CLN 0,2 ha, HNK 0,02 ha)	Thân Thuộc (0,01 ha); Pắc Ta (0,11 ha); Trung Đồng (0,06 ha); Nậm Sò (0,45 ha); Phúc Khoa (0,22 ha)	
<b>IV</b>	<b>Các trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp sang đất thương mại, dịch vụ với diện tích từ 0,5 ha trở lên</b>							
13	Khu du lịch suối Phiêng Phát huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu	101,50	61,10		61,10	BCS (1,38 ha); HNK (3,61 ha); CLN (17,71 ha); DCS (2,99 ha); DTL (0,33 ha); LUC (24,66 ha); LUK (1,61 ha); NTD (1,99 ha); NTS (1,36 ha); ONT + CLN (1,89 ha); RSX (0,17 ha); SON (3,4 ha)	xã Trung Đồng và xã Thân Thuộc	Các thửa 160,161,162,... tờ 73; các thửa 98,99,10,... Tờ 76; các thửa 213,214,215,... tờ 79,....
<b>TỔNG CỘNG: 100 CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN</b>		<b>5.857,64</b>	<b>3.488,25</b>	<b>913,76</b>	<b>2.574,68</b>			

